TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30-5-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Lệ Hằng.

Bà Trần Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 524/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 316/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Bạch Kim T**, sinh năm 1976 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Số A đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông **Võ Văn L**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 11-11-2024 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn - bà Bạch Kim T trình bày:

Bà và ông Võ Văn Lâm C sống và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang vào ngày 20-01-2003. Qúa trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống không thể hàn gắn, ông L thường xuyên nhậu say về quậy phá, kiếm cớ chửi mắng, xúc phạm vợ con làm tổn thương đến tinh thần vợ con. Bà đã cố gắng khuyên ông L sửa đổi thói quen

xấu nhưng ông L vẫn không sửa đổi. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà muốn ly hôn.

Về nuôi con chung: Ông bà có 02 con chung tên Võ Bạch Gia K (nam), sinh ngày 17-4-2004 và Võ Bạch Thùy T1 (nữ), sinh ngày 04-9-2014. Khi ly hôn, cháu K đã trưởng thành, bà không yêu cầu giải quyết; bà yêu cầu được nuôi cháu T1 và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Đến ngày 09-5-2025, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông L, yêu cầu được nuôi cháu Thùy T1 và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật; xác định tài sản chung tự thỏa thuận và xác định nợ chung không có.

* Tại bản tự khai ngày 12-3-2025 và trong quá trình giải quyết bị đơn – ông Võ Văn L trình bày:

Ông và bà Bạch Kim T kết hôn năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Qúa trình chung sống đôi lúc có xảy ra mâu thuẫn do ông nhậu xỉn về không làm chủ được bản thân nên làm cho vợ con buồn phiền. Ông biết việc mình chửi mắng là sai nên ông hứa sẽ cố gắng sửa chữa, mong vợ cho cơ hội để khắc phục hàn gắn gia đình để cùng nuôi dạy 02 con, ông không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Ông bà có 02 con chung tên Võ Bạch Gia K (nam), sinh ngày 17-4-2004 và Võ Bạch Thùy T1 (nữ), sinh ngày 04-9-2014. Nếu như phải ly hôn thì ông đồng ý giao cháu Thùy T1 cho vợ trực tiếp nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Thùy T1 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Thùy T1 tròn 18 tuổi; cháu Gia K đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông L xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông L xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Bạch Kim T có yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Võ Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Tòa án áp

dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bà T, ông L là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án*: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 11-11-2024, bà Bạch Kim T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn L, do đó xác định đây là loại kiện "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do ông L có địa chỉ cư trú tại quận N nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông L tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang vào ngày 20-01-2003 nên được xem đây là hôn nhân hợp pháp. Qúa trình chung sống, bà T cho rằng do bất đồng quan điểm sống không thể hàn gắn, ông L thường xuyên nhậu say về quậy phá, kiếm cớ chửi mắng, xúc phạm vợ con làm tổn thương đến tinh thần vợ con, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà xin ly hôn với ông L. Tại biên bản hòa giải ngày 12-3-2025 ông L thừa nhận vợ chồng đôi lúc có xảy ra mâu thuẫn do ông nhậu xỉn về không làm chủ được bản thân nên làm cho vợ con buồn phiền, ông biết việc mình chửi mắng là sai nên ông hứa sẽ cố gắng sửa chữa, mong vợ cho cơ hội để khắc phục hàn gắn gia đình để cùng nuôi dạy 02 con nên ông không đồng ý ly hôn, ông đề nghị Tòa án cho ông thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cũng đã tạo điều kiện cho ông Lâm thời G để hàn gắn và triệu tập ông Lâm dự phiên tòa nhưng ông L không đến điều đó chứng tỏ ông L không tha thiết đoàn tụ, mâu thuẫn giữa bà T và ông L đã thực sự trầm trọng, thiết nghĩ một bên đã không còn tha thiết gì với cuộc hôn nhân này và đã khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về nuôi con chung: Bà T và ông L có 02 con chung tên Võ Bạch Gia K (nam), sinh ngày 17-4-2004 và Võ Bạch Thùy T1 (nữ), sinh ngày 04-9-2014. Bà T yêu cầu được nuôi cháu T1; cháu K đã trưởng thành bà không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử thấy, cháu T1 có nguyện vọng sống với bà T, ông L cũng đồng ý giao cháu T1 cho bà T nuôi dưỡng, do đó giao cháu T1 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông L cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định của pháp luật, ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T1 mỗi tháng ½ mức lương tối thiểu vùng tương đương số tiền 2.205.000 đồng (Hai triệu hai trăm lẻ năm nghìn đồng) nên buộc ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T1 mỗi tháng 2.205.000 đồng (Hai triệu hai trăm lẻ năm nghìn đồng), thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi cháu T1 tròn 18 tuổi.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông L xác định tài sản chung tự thỏa thuận và xác định nợ chung không có nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông L phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bạch Kim T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa bà Bạch Kim T và ông Võ Văn L.

2. *Về nuôi con chung*: Cháu Võ Bạch Gia K (nam), sinh ngày 17-4-2004 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Giao cháu Võ Bạch Thùy T1 (nữ) sinh ngày 04-9-2014 cho bà Bạch Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, ông L cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.205.000 đồng (Hai triệu hai trăm lẻ năm nghìn đồng). Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi cháu T1 tròn 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông L không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của cháu T1, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4.*Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Bạch Kim T phải chịu án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000934 ngày 09-12-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, bà T không phải nộp thêm.

5. *Về án phí cấp dưỡng nuôi con*: Ông Võ Văn L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q. Ninh Kiều;
- UBND xã Long Thạnh; H. Phụng Hiệp;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Phượng